

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18-6-2020

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Anh Đức;

2. Bà Lý Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Đăng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lai Trần Trúc L**, sinh năm 19xx(Có mặt).

Địa chỉ: Số A ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông **Hứa Thành B**, sinh năm 19xx(Vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 06 tháng 01 năm 2020, tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay nguyên đơn bà Lai Trần Trúc L trình bày:

Bà và ông Hứa Thành B tổ chức cưới vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện D. Sau khi cưới ông B về sống bên gia đình bà L, vợ chồng chung sống cũng hạnh phúc nhưng đến khoảng tháng 3/2018 thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong lối sống và kinh tế trong gia đình đến tháng 10/2018 thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay bà nhận thấy hôn nhân kéo dài cũng không có hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với ông Hứa Thành B.

Về con chung: Bà và ông Hứa Thành B có 01 con chung tên Hứa Lai N, sinh ngày 22/11/2016, hiện đang sống với bà L. Khi ly hôn bà yêu cầu được quyền nuôi con chung, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay bà đang làm công nhân tại Công ty thủy sản Saota, đủ điều kiện về kinh tế để nuôi con. Thời gian làm việc ban ngày, có thời gian chăm sóc con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

- Bị đơn ông Hứa Thành B trình bày tại biên bản hòa giải ngày 26/02/2020:

Ông và bà Lai Trần Trúc L tổ chức cưới vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C vào năm 2016. Sau khi cưới ông sống chung với bên gia đình bà L, vợ chồng chung sống cũng hạnh phúc, từ tháng 10/2018 đến nay thì vợ chồng sống ly thân do vợ chồng bất đồng ý kiến. Nay ông còn thương vợ nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà Lai Trần Trúc L có 01 con chung tên Hứa Lai N, sinh ngày 22/11/2016, hiện đang sống với bà L. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay ông phụ bán quán cơm, thu nhập mỗi tháng 5.000.000 đồng, đủ điều kiện về kinh tế để nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn ông Hứa Thành B chưa thực hiện và chấp hành đúng quy định pháp; ông Hứa Thành B đã được cấp tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, ông B đã được triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng ông vẫn vắng mặt đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Hứa Thành B.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Lai Trần Trúc L cho bà Lai Trần Trúc L được ly hôn cùng ông Hứa Thành B. Về con chung tiếp tục giao cháu Hứa Lai N cho bà L nuôi dưỡng

đến trưởng thành; về cấp dưỡng tại phiên tòa bà L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết: Về án phí các đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Hứa Thành B đã được cấp tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, ông B đã được triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng ông B vẫn vắng mặt, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Hứa Thành B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lai Thị Trúc Linh và ông Hứa Thành B cưới nhau năm 2016, có đăng ký kết hôn và được UBND xã C, huyện D cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21/2016 ngày 22/02/2016 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Lai Trần Trúc L và ông Hứa Thành B là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét lý do yêu cầu ly hôn của bà Lai Trần Trúc L, Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi kết hôn thì bà L, ông B sống hạnh phúc được đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn về kinh tế trong gia đình, cũng như về những việc nhỏ nhặt trong gia đình từ đó vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm cùng nhau mặc dù bà L đã cố gắng duy trì cuộc sống hôn nhân sống cùng ông B để nuôi dạy con khôn lớn nhưng không có kết quả mà ngược lại mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn dẫn đến bà L và ông B không thể sống chung được nữa, từ đó bà L đã sống ly thân cùng ông B từ tháng 10 năm 2018 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà L và ông B đã phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được, bà L và ông B đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2018 đến nay cũng đã lâu nhưng bà L và ông B không hàn gắn tình cảm vợ chồng được, mặc dù ông B cho rằng còn thương vợ không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên trong thời gian sống ly thân ông B không có thiện chí hàn gắn với bà L và tại phiên tòa hôm nay bà L cương quyết ly hôn. Vì vậy xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà L và ông B không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lai Trần Trúc L.

[4] Về con chung: Bà L và ông B có 01 con chung tên Hứa Lai N, sinh ngày 22/11/2016, hiện đang sống với bà L. Khi ly hôn bà yêu cầu được quyền nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con bà không yêu cầu. Xét thấy, từ khi bà Lai Trần Trúc L và ông Hứa Thành B sống ly thân cùng nhau cho đến nay thì cháu Hứa Lai N sống cùng với bà L. Tại phiên tòa bà L có nguyện vọng tiếp tục nuôi con đến trưởng thành, nhằm để tránh cuộc sống hiện tại của cháu Hứa Lai N không bị xáo trộn, không làm ảnh hưởng đến tâm lý và ổn định việc học của cháu Như Ý nên cần tiếp tục giao cháu Hứa Lai N cho bà Lai Trần Trúc L tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành.

[5] Về cấp dưỡng: Bà Lai Trần Trúc L không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Đối với yêu cầu của ông Hứa Thành B yêu cầu được nuôi cháu Hứa Lai N ông cho rằng điều kiện kinh tế của ông cũng đảm bảo nuôi được con. Tuy nhiên từ khi bà L và ông Bsống ly thân đến nay thì bà L vẫn đảm bảo chăm sóc đầy đủ cuộc sống về mọi mặt cho cháu Như Ý, bà đi làm Công ty có thu nhập ổn định cháu Như Ý cũng đảm bảo được đến trường học hành và phát triển tốt. Ông Bchưa chứng minh được bà L chăm lo cho cháu Như Ý không tốt về mặt nào nên đối với yêu cầu của ông là không có căn cứ nên HĐXX không chấp nhận.

[7] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[8] Nợ chung: Không có.

[9] Lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về án phí sơ thẩm áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Lai Trần Trúc L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lai Trần Trúc L được ly hôn cùng ông Hứa Thành B.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Hứa Lai N, sinh ngày 22/11/2016 cho bà Lai Trần Trúc L nuôi dưỡng đến trưởng thành. Ông Hứa Thành B có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Ông Hứa Thành B không phải cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

5. Về Nợ chung: Không có.

6. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lai Trần Trúc L phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm , nhưng được trừ vào tiền tạm

ứng án phí bà đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000139 ngày 14/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên bà L đã nộp xong.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Mỹ Xuyên;
- UBND nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Nguyễn Thị Nhiệm